

Số: 58/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý
của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 305/TTr-SNNPTNT ngày 22 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Quản lý chất lượng NLS&TS;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở: NN&PTNT, YT, CT;
- Sở: Nội Vụ, TC;
- Báo An Giang; Đài PT-TH An Giang;
- Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH;
- Phòng: KTN, HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh
Email:
ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 18-11-2019
14:13:04 +07:00

Trần Anh Thư

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường và thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

c) Các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm sự thống nhất, toàn diện trong công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hoạt động giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đảm bảo không chồng chéo giữa các cấp, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra liên ngành.

3. Trường hợp một cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy chứng nhận của từ hai đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trở lên thì Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để thực hiện.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP

Điều 3. Nội dung phân công, phân cấp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế, ...)

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Giao nhiệm vụ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế:

Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị được phân công

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (giao Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật):

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

b) Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trên địa bàn quản lý.

c) Tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm; thẩm tra, thẩm định, đánh giá phân loại, cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật đối với cơ sở được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 quy định này.

d) Tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cơ sở được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 quy định này.

đ) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; kiểm tra việc thực hiện đối với cơ quan quản lý cấp huyện được giao nhiệm vụ.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

g) Giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh tra đối với tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp dưới quản lý trong các trường hợp cần thiết hoặc phát hiện cơ sở vi phạm nghiêm trọng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện (giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế):

a) Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trên địa bàn.

b) Thẩm tra, thẩm định, đánh giá phân loại, cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân cấp tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

c) Tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm; tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân cấp tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

d) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm tra việc thực hiện công tác triển khai quản lý an toàn thực phẩm được phân công, phân cấp trên địa bàn cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Tổ chức ký cam kết, kiểm tra việc thực hiện nội dung cam kết và xử lý vi phạm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Kinh phí thực hiện hàng năm

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản, có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Quy định chuyên tiếp

1. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đã cấp cho các tổ chức, cá nhân trước ngày Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến khi hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

2. Bản cam kết đã ký theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ vẫn còn hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký cam kết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Tài chính căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức bộ máy, nhân sự và đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện trách nhiệm được phân công, phân cấp theo đúng quy định này và các quy định nhà nước hiện hành liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các nội dung của quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về an toàn thực phẩm và chịu sự thẩm định của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thu

Phụ lục
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ LOẠI HÌNH CƠ SỞ	CĂN CỨ
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này	
1.	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	
1.1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.1
1.2	Cơ sở sản xuất ban đầu kết hợp với hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở sản xuất/trồng trọt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.1, Phụ lục III - BB 2.2
2.	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	
2.1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (kể cả cơ sở nuôi yếm)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.2
2.2	Chợ đầu mối, đấu giá có nguồn gốc động vật	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.4
2.3	Cơ sở giết mổ động vật tập trung (lò giết mổ, điểm giết mổ, ...)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.1
2.4	Cơ sở thu gom, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn.	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.2
2.5	Kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật trên cạn	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.3
3.	<i>Chi cục Thủy sản</i>	
3.1	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT

		Phụ lục II – BB 1.3
3.2	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.4
3.3	Cảng cá	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.5
4.	<i>Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</i>	
4.1	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.6
4.2	Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ các cơ sở có nguồn gốc trên cạn quy định tại mục 2.4)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.2
4.3	Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho bảo quản sản phẩm động vật trên cạn quy định tại mục 2.5)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.3
4.4	Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, đấu giá quy định tại mục 2.2)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.4
4.5	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.5
4.6	Cơ sở sản xuất chế biến muối, muối i-ốt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.6
4.7	Cơ sở kinh doanh muối, muối i-ốt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.7
II	UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở quy định tại khoản 2, Điều 3 của Quy định này	
	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản được cấp huyện cấp Giấy	Các biểu mẫu tại Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT

	chứng nhận đăng ký kinh doanh	- Phụ lục II, III
III	Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở quy định tại khoản 3, Điều 3 của Quy định này	
	Cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Phụ lục I Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT